

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 131/2018/QĐST-HNGĐ

C, ngày 13 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp ĐPA, xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Đức H2, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp CC, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Đơn yêu cầu của hai bên đương sự đề ngày 05/3/2018 đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án trước thời hạn theo quy định pháp luật với lý do cả hai đều đi làm ở xa và hai bên đã thỏa thuận được với nhau về tất cả vấn đề có tranh chấp.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Xuân H1 với ông Bùi Đức H2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 và ông Bùi Đức H2 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 và ông Bùi Đức H2 không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 và ông Bùi Đức H2 thống nhất xác định không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 và ông Bùi Đức H2 thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H1 đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/0014536 ngày 23/02/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà H1 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ông Bùi Đức H2 không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã LT, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Nguyễn Thanh Thảo